



AI



 Dreamina AI

Hey GPT

VÒNG QUAY MAY MẮN



1

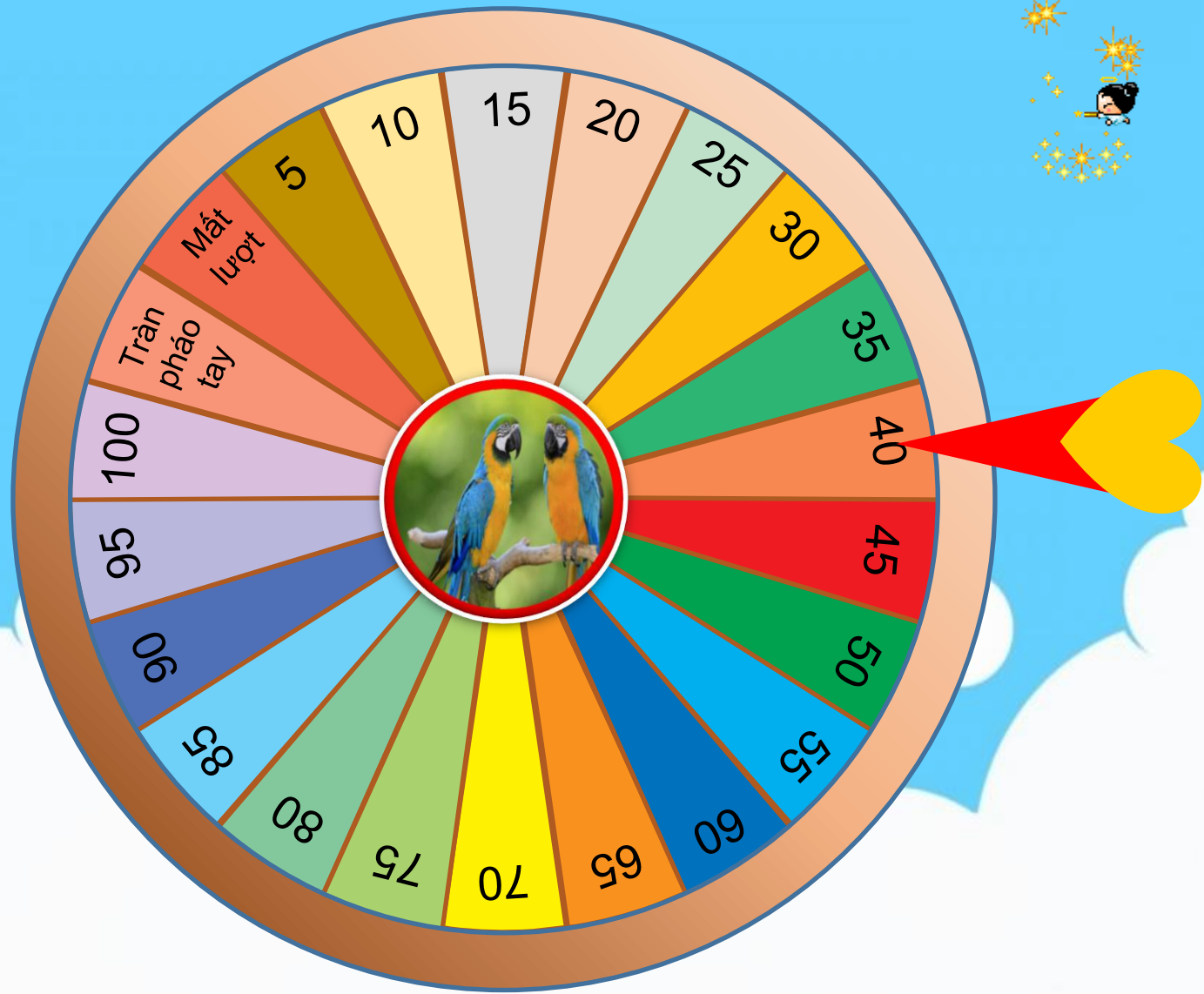
2

3

4

5

6



QUAY



15

Câu hỏi 1:
Trong các số
203; 450; 305; 724; 500
Có bao nhiêu số chia hết cho 5?

A. 0

B. 3

C. 1

D. 2

QUAY VỀ



Câu hỏi 2:
Trong các số
102; 355; 270; 350; 708
Số nào chia hết cho cả 2 và 5?

A) 102 và 270

B) 355 và 350

C) 270 và 350

D) 355 và 708

QUAY VỀ



Câu hỏi 3: . Không thực hiện phép tính, em hãy cho biết phát biểu nào là đúng.



A) $150 + 135$ chia hết cho 9.



B) $220 - 138$ chia hết cho 2.



C) $542 - 330$ chia hết cho 5.



D) $225 + 113$ chia hết cho 3.



Câu hỏi 4:
**Cho số $\overline{32 * 3}$. Thay dấu * bởi một chữ số để
được số chia hết cho 9.**



A) 1



B) 2



C) 3



D) 4

QUAY VỀ



Câu hỏi 5:
Trong các số dưới đây, số nào chia hết cho 3 nhưng không chia hết cho 9?

A) 918

B) 180

C) 123

D) 540

QUAY VỀ



15

Câu hỏi 6:
Trong các số 27, 54, 83, 117
số nào không chia hết cho 3?

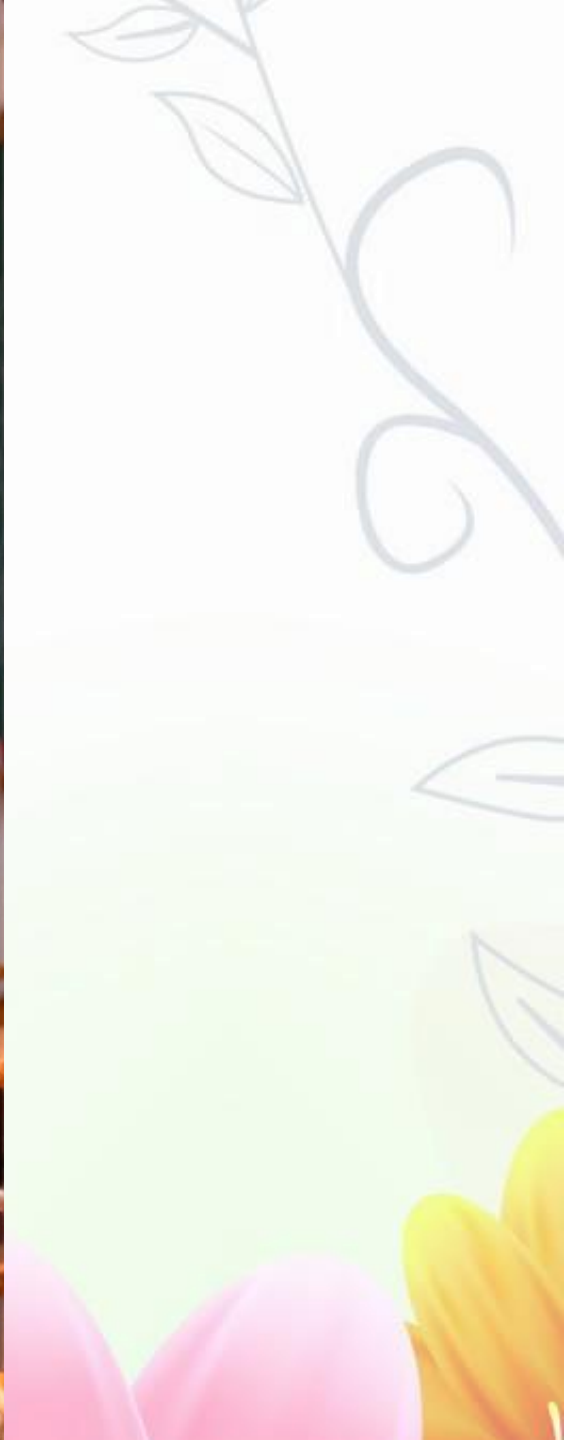
A) 83

B) 54

C) 27

D) 117

QUAY VỀ







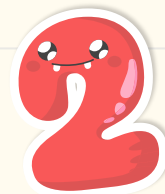
BÀI 10: SỐ NGUYÊN TỐ (2 tiết)



NỘI DUNG KIẾN THỨC

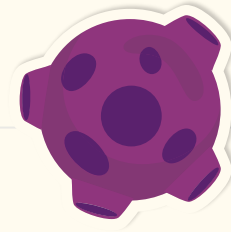


**SỐ NGUYÊN TỐ
VÀ HỢP SỐ**



**PHÂN TÍCH MỘT SỐ RA
THỪA SỐ NGUYÊN TỐ**





SỐ NGUYÊN TỐ VÀ HỢP SỐ

TRẠM 1: SÀNG LỌC TINH HOA

Mục tiêu: Tự khám phá ra định nghĩa

* **Nhiệm vụ 1:** Cho bảng số từ 1 đến 50. Hãy dùng bút lông gạch bỏ các số theo hướng dẫn bên dưới

Bước 1: Gạch bỏ tất cả các số lớn hơn 2 và là bội của 2. Ví dụ: 

Bước 2: Gạch bỏ tất cả các số lớn hơn 3 và là bội của 3

Bước 3: Gạch bỏ tất cả các số lớn hơn 5 và là bội của 5

Bước 4: Gạch bỏ tất cả các số lớn hơn 7 và là bội của 7



Thời gian: 5 phút

	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50

* **Nhiệm vụ 2:**

- Đặc điểm chung các số không bị gạch bỏ (*Gợi ý: Nhận xét về số lượng các ước?*)

.....

- Đặc điểm chung các số bị gạch bỏ (*Gợi ý: Nhận xét về số lượng các ước?*)

.....

* **Nhiệm vụ 3:** Em hãy cho biết số 1 và số 0 có bao nhiêu ước?

- Số 1 có ước.

- Số 0 có ước.

	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50

Số nguyên tố



Các số tự nhiên
Chỉ có 2 ước là
1 và chính nó

2; 3; 5; 7;
11; 13; 17;
19; 23; 29;
31; 37; 41;
43; 47

Hợp số



Các số tự nhiên có
nhiều hơn 2 ước

4; 6; 8; 9; 10;
12; 14; 15; 16;
18; 20; 21; 22;
24; 25; 26; 27;
28; 30; 32; 33;
34; 35; 36; 38;
39; 40; 42; 44;
46; 48; 49; 50

AI





- **Số nguyên tố** là số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có hai ước là 1 và chính nó.
- **Hợp số** là số tự nhiên lớn hơn 1, có nhiều hơn hai ước.



* **Chú ý:** Số 0 và số 1 không là số nguyên tố và không là hợp số.



Nhận xét:

Để khẳng định một số là hợp số, ta thường sử dụng các dấu hiệu chia hết để tìm ra một ước khác 1 và chính nó.



TRẠM 2: CHỦ ĐỀ BÍ ẨN

Mục tiêu: Củng cố khái niệm số nguyên tố và hợp số

* **Nhiệm vụ:** Các nhóm thảo luận và dùng bút lông tô màu vào những ô có chứa số nguyên tố. (Gợi ý: Kết quả sau khi tô màu sẽ xuất hiện 1 từ hoặc 1 số)

* *Học sinh có thể sử dụng bảng tra bảng số nguyên tố trang 121 Sách giáo khoa.*

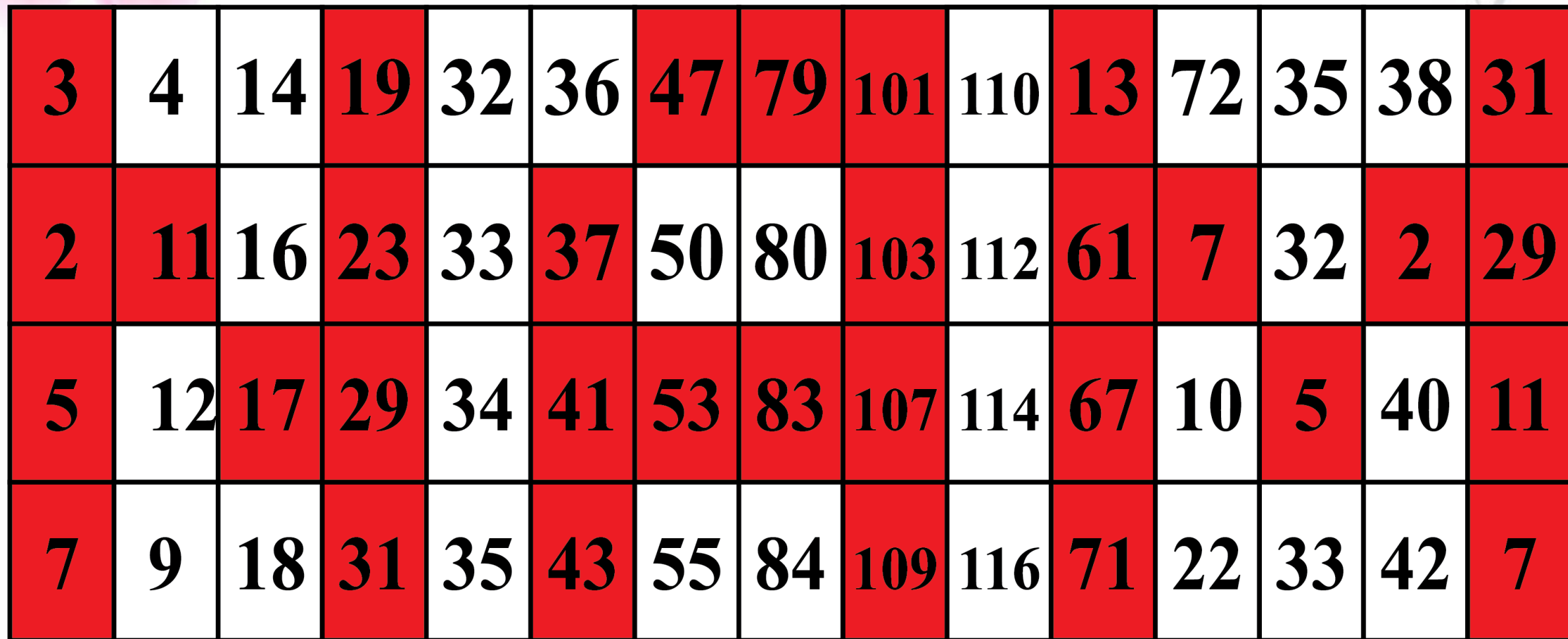


Thời gian: 10 phút

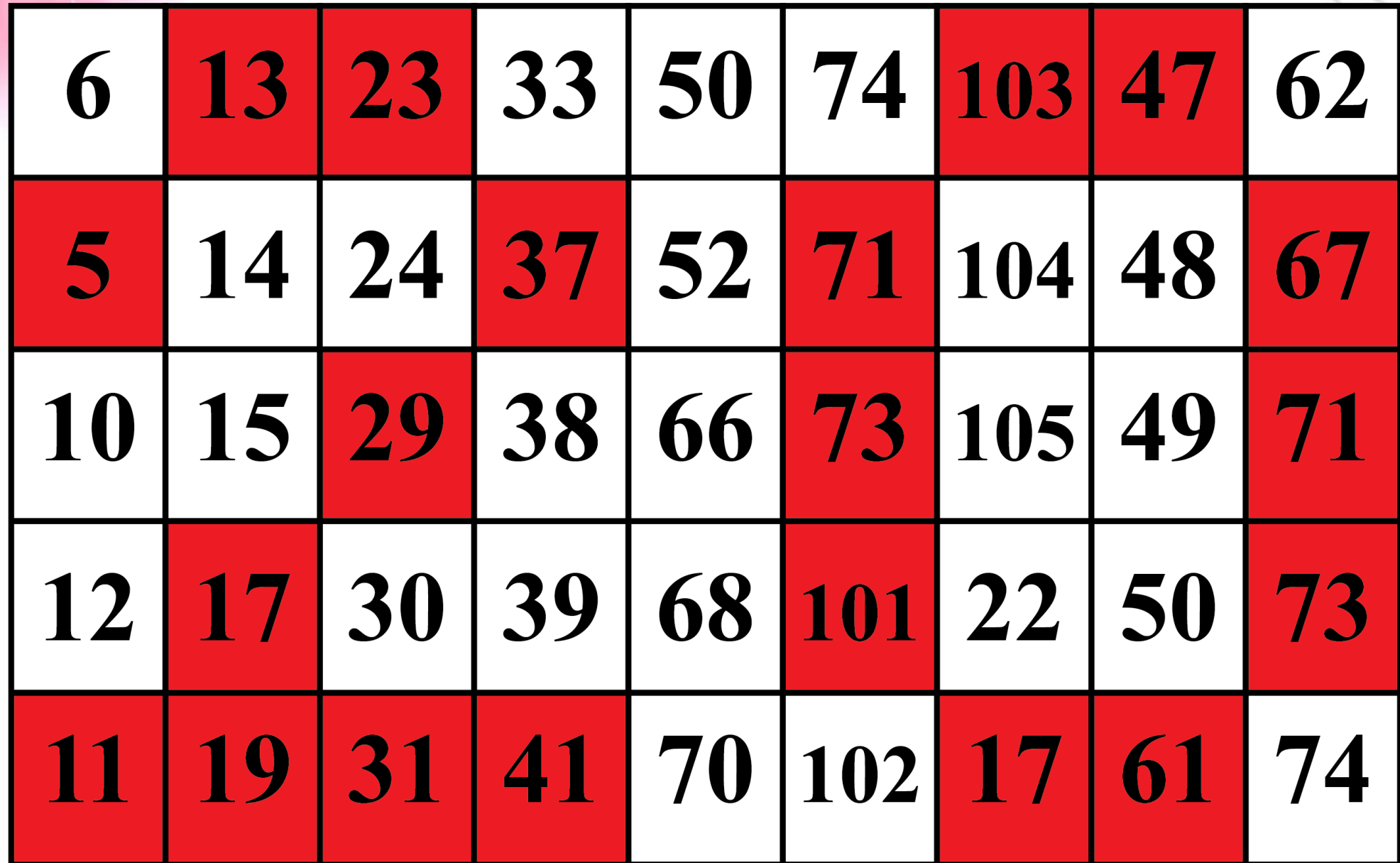
					24	11	17	41	6
6	9	30	32	28	8	35	80	24	36
2	17	71	26	27	18	2	67	13	100
3	6	10	83	10	11	32	28	3	150
19	37	19	21	22	43	79	89	101	15
23	22	14	53	23	7	12	22	29	120
5	29	47	14	15	5	88	42	31	122

2	4	20	40	5	18	7	11	13	102
17	3	24	23	29	22	31	90	95	130
43	42	19	100	47	42	53	37	41	42
67	60	88	22	71	70	73	72	78	64
13	14	120	12	5	15	11	19	59	58
						36	22	24	
						34	83	90	

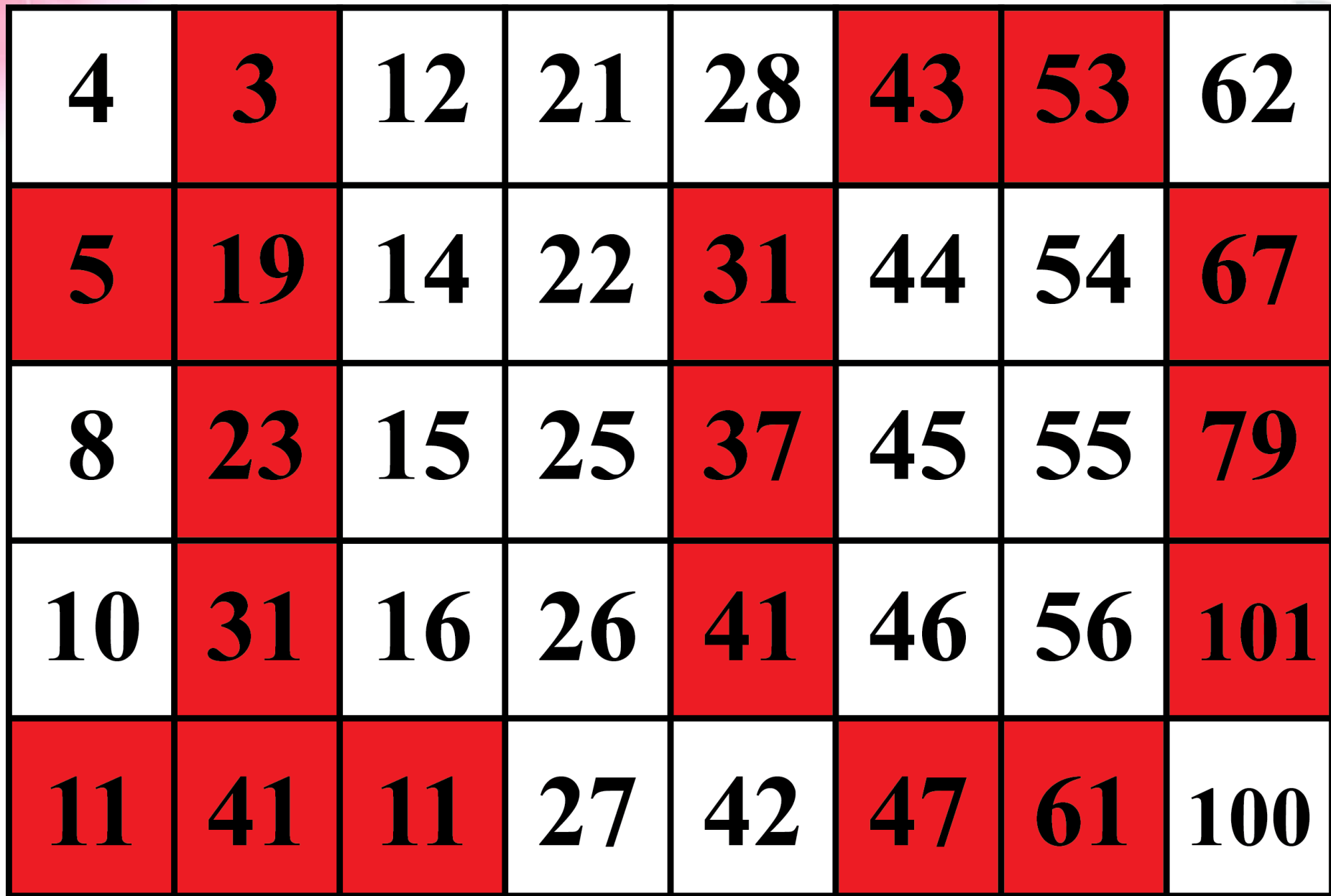
							18	76	103	8	20			
							22	101	20	107	56			
8	20	56	86	25	20	14	42	15	77	88	20	78	104	9
2	22	70	90	19	22	31	70	29	19	67	40	17	19	41
3	25	33	92	73	25	61	15	113	14	32	42	16	31	15
5	26	48	8	71	26	73	20	5	107	101	56	18	37	20
10	29	50	37	22	99	83	62	23	20	78	70	20	61	62
12	30	31	10	72	100	67	16	109	3	7	33	22	67	16
								42	15	77				
								22	11	72				



3	4	14	19	32	36	47	79	101	110	13	72	35	38	31
2	11	16	23	33	37	50	80	103	112	61	7	32	2	29
5	12	17	29	34	41	53	83	107	114	67	10	5	40	11
7	9	18	31	35	43	55	84	109	116	71	22	33	42	7



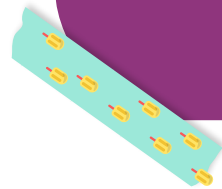
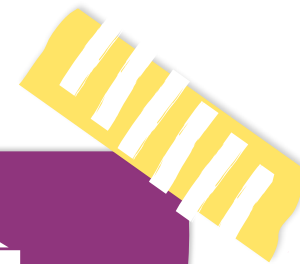
6	13	23	33	50	74	103	47	62
5	14	24	37	52	71	104	48	67
10	15	29	38	66	73	105	49	71
12	17	30	39	68	101	22	50	73
11	19	31	41	70	102	17	61	74



4	3	12	21	28	43	53	62
5	19	14	22	31	44	54	67
8	23	15	25	37	45	55	79
10	31	16	26	41	46	56	101
11	41	11	27	42	47	61	100



CHIA SẺ CHỦ ĐỀ



Khúc Ca Số Nguyên Tố
Sáng tác: AI
Biên tập: Thầy Thọ



Trong giờ toán hôm nay, ôi sao mà vui thế
Lớp Sáu A Ba em, ngồi nghe thật chăm chú.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH CUỐI TIẾT HỌC

Tiêu chí	Mức Tốt	Mức Đạt	Mức Cần cố gắng
1. Kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững định nghĩa số nguyên tố và hợp số. - Lấy được nhiều ví dụ chính xác 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được đúng định nghĩa số nguyên tố và hợp số. - Phân biệt được số nguyên tố và hợp số trong các trường hợp đơn giản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Còn nhầm lẫn giữa khái niệm số nguyên tố và hợp số. - Lấy ví dụ còn sai sót.
2. Năng lực	Giải thích logic và chặt chẽ tại sao một số là số nguyên tố hay hợp số.	Áp dụng được định nghĩa để kiểm tra một số cho trước là số nguyên tố hay hợp số.	Còn lúng túng, chưa biết cách lập luận để xác định một số là số nguyên tố hay hợp số.
3. Phẩm chất	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập. Tích cực đóng góp ý kiến trong các hoạt động nhóm, xây dựng bài. - Tính toán cẩn thận, chính xác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có cẩn thận trong quá trình tính toán và làm bài. - Có ý thức trách nhiệm với nhiệm vụ của bản thân và của nhóm. Lắng nghe và tôn trọng ý kiến của bạn bè. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa tập trung trong giờ học. Còn sai sót do tính toán không cẩn thận. - Còn thụ động, chưa tham gia vào các hoạt động chung.



HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Xem lại khái niệm và cách xác định số nguyên tố, hợp số
- Xem trước phần 2, “Phân tích một số ra thừa số nguyên tố”
- Hoàn thành các bài tập 2.19, 2.20 trang 41, 42 SGK

